| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ NINH HÒA**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8- 2017
V/v: "*Ly hôn*".

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Trường Hải.**
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lê Thị Hoa.**
Ông **Nguyễn Lơn.**

***Thư ký phiên tòa***: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên.**

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông **Trần Thanh Sơn** -Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2017/QĐXX-ST ngày 10/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/QĐHPT-ST ngày 28/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn T. P. K** - sinh năm 1978.
Cư trú tại: tổ dp M, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
- *Bị đơn*: Ông **Phan T. H** - sinh năm 1976
Cư trú tại: thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn T.P. K trình bày:* Bà và ông Phan T. H đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã N. Quá trình chung sống không hạnh phúc vì khi cưới về sống chung được 03 tháng thì mâu thuẫn về tiền bạc nên ông H bỏ đi và đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, bà không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H. Về con chung, vợ chồng bà có con chung tên Phan T. Hu - sinh ngày 22/9/2011, bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Phan T. H được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không lấy được lời trình bày*:

*Tại phiên tòa, Đại diên viện kiểm sát phát biểu quan điểm*: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn T. P. K yêu cầu được ly hôn với ông Phan T. H là có cơ sở vì tình cảm, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung là Phan T. Hu - sinh ngày 22/9/2011 không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà K phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 58, 81, 82 và 83

Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, bà K không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đồng thời tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phan T. H cố tình vắng mặt. Vì vậy, áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn T. P. K yêu cầu được ly hôn với ông Phan T. H nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc "*Ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy: Bà K, ông H tự nguyện chung sống, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 24/02/2011 nên Tòa công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn T. P. K và ông Phan T. H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thì theo lời trình bày của nguyên đơn là không hạnh phúc vì khi cưới về sống chung được 3 tháng thì mâu thuẫn về tiền bạc nên ông H bỏ đi và đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, bà không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông Phan T. H đã được tòa triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng vẫn không có mặt nên không thể hiện được yêu cầu của mình. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn T. P. K, ông Phan T. H thể hiện trong " *vợ chồng chung sống được 3 tháng, không chung sống với nhau nữa* ".

Do vậy, xét thấy tình cảm của bà Nguyễn T. P. K không còn đối với ông Phan T. H, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn T. P. K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà K yêu cầu được nuôi con chung là Phan T. Hu - sinh ngày 22/9/2011 không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền yêu cầu về việc nuôi con chung là tự từ bỏ quyền yêu cầu được nuôi con chung của mình. Từ trước đến nay, bà K là người đang trực tiếp trông nom và nuôi dưỡng cháu Hu. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho bà Nguyễn T. P. K trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và bảo đảm được quyền lợi cho cháu là hợp lý.

Ông H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn T. P. K không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn T. P. K phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, 147, 227, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn T. P. K: Bà Nguyễn T. P. K được ly hôn với ông Phan T. H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan T. Hu - sinh ngày 22/9/2011 cho bà Nguyễn T. P. K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà K không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí: Bà Nguyễn T. P. K phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0013102 ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa.
- UBND xã N.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
***(Đã ký)***

**Lê Trường Hải**